

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024**  
**NGUỒN THU TỪ THỎA THUẬN CHI TRẢ GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**  
**VÙNG BẮC TRUNG BỘ CỦA BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ QUAN SƠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNN&PTNT ngày /12/2024 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá)

**I TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.378.818.000</b>	
<b>I</b>	<b>Kinh phí quản lý</b>	<b>300.772.000</b>	
<b>II</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ cho cộng đồng tham gia quản lý rừng</b>	<b>1.000.000.000</b>	
-	Kinh phí hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng	1.000.000.000	
<b>III</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã có cộng đồng tham gia quản lý rừng</b>	<b>78.046.000</b>	

**II CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI QUẢN LÝ**

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=1*2	4
	<b>Tổng cộng</b>				<b>300.772.000</b>	
	<i>Các nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định 107/NĐ-CP</i>					

<b>I</b>	<b>Mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng</b>				<b>111.490.000</b>	
1	Máy lọc nước	Cái	2	5.000.000	10.000.000	Đơn vị phê duyệt dự toán mua sắm theo quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả
2	Máy cắt cỏ	Cái	1	7.700.000	7.640.000	
3	Tủ đựng tài liệu	Cái	4	5.000.000	20.000.000	
4	Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000	15.000.000	
5	Ba lô	Cái	25	300.000	7.500.000	
6	Bình toong	Cái	25	150.000	3.750.000	
7	Tắt bảo hộ	Đôi	25	60.000	1.500.000	
8	Đèn pin đội đầu chống nước	Cái	25	200.000	5.000.000	
9	Ủng cao su	Đôi	25	140.000	3.500.000	
10	Bàn đập lửa chữa cháy rừng:	Cái	90	240.000	21.600.000	
11	Dao phát chữa cháy rừng	Cái	100	160.000	16.000.000	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu</b>				<b>41.600.000</b>	Thanh toán theo thực tế phát sinh
<b>1</b>	<b>Công tác phí</b>				41.600.000	
	Có 05 đoàn công tác hợp và nghiệm thu về việc hỗ trợ các Cộng đồng, mỗi đoàn 02 người.	Đoàn	5	8.320.000	41.600.000	
	<b>Tính cho 01 đoàn</b>				<b>8.320.000</b>	
a	Hợp thông qua Kế hoạch, dự toán				4.160.000	
+	Khoán tiền tự túc phương tiện đi lại: 1 người = 200 km x 0,2 lít xăng/km x 22.000 đồng/lít = 880.000 đồng	Người	2	880.000	1.760.000	
+	Tiền phụ cấp lưu trú: 1 người = 3 ngày x 200.000 đồng/ngày = 600.000 đồng.	Người	2	600.000	1.200.000	

+	Khoán tiền thuê phòng ngủ: 1 người = 2 đêm x 300.000 đồng/đêm = 600.000 đồng.	Người	2	600.000	1.200.000	
b	Nghiệm thu khối lượng hoàn thành				4.160.000	
+	Khoán tiền tự túc phương tiện đi lại: 1 người = 200 km x 0,2 lít xăng/km x 22.000 đồng/lít = 880.000 đồng	Người	2	880.000	1.760.000	
+	Tiền phụ cấp lưu trú: 1 người = 3 ngày x 200.000 đồng=600.000 đồng.	Người	2	600.000	1.200.000	
+	Khoán tiền thuê phòng ngủ: 1 người = 2 đêm x 300.000 đồng/đêm = 600.000 đồng.	Người	2	600.000	1.200.000	
<b>III</b>	<b>Các hoạt động phục vụ công tác chỉ trả dịch vụ môi trường rừng (ERPA) Hoạt động rà soát hiện trạng tài nguyên rừng đảm bảo đủ tiêu chí phục vụ chỉ trả ERPA</b>				<b>67.897.600</b>	Thanh toán theo thực tế phát sinh
<b>1</b>	<b>Công tác nội nghiệp</b>				<b>26.745.600</b>	
-	Công làm thêm giờ thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ (HSL 3,66 x 2.340.000 đồng/22 ngày x 200%)	Công	11	778.582	8.564.402	Mục 1.6, Bảng 01, TT05/2024/TT-BNNPTNT
-	Công làm thêm giờ lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (HSL 3,66 x 2.340.000 đồng/22 ngày x 200%)	Công	7	778.582	5.450.074	Mục 7.6, Bảng 01, TT05/2024/TT-BNNPTNT
-	Công làm thêm giờ biên tập bản đồ hiện trạng rừng phục vụ kiểm chứng thực địa (HSL 3,99 x 2.340.000 đồng/22 ngày x 200%; 15 công/bản đồ x 01 bản đồ)	Công	15	848.782	12.731.124	TT05/2024/TT-BNNPTNT
<b>2</b>	<b>Công tác ngoại nghiệp</b>				<b>41.152.000</b>	
-	4 nhóm rà soát: mỗi nhóm 03 người, tổng là 12 người: 1 người = 5 ngày				31.152.000	

+	Phụ cấp lưu trú rà soát tại thực địa: 1 người = 5 ngày x 200.000 đồng/ngày = 1.000.000 đồng	Người	12	1.000.000	12.000.000	
+	Khoán tiền tự túc phương tiện: 1 người = (Bình quân 90km/2 lượt đi, về) x 0,2 lít xăng/km x 22.000 đồng/lít=396.000 đồng.	Người	12	396.000	4.752.000	
+	Khoán tiền phòng nghỉ: 1 người = 4 đêm x 300.000 đồng/đêm =1.200.000 đồng	Người	12	1.200.000	14.400.000	
-	4 nhóm rà soát: mỗi nhóm thuê 02 người, tổng là 8 người: 1 người = 5 ngày x 250.000 đồng/ngày = 1.250.000 đồng	Người	8	1.250.000	10.000.000	
<b>IV</b>	<b>Hoạt động đào tạo, tập huấn, hội nghị</b>				<b>39.784.400</b>	
<b>1</b>	<b>Tổ chức 01 cuộc tập huấn nâng cao năng lực cho các thôn bản thực hiện bảo đảm an toàn môi trường và khiếu nại, tố cáo trong thực hiện ERPA (Một cuộc 80 người Thời gian: 01 ngày; Số lượng dự kiến: 04 người/thôn*20 thôn bản = 80 người + 02 báo cáo viên)</b>				<b>29.140.000</b>	Đơn vị phê duyệt dự toán mua sắm theo quy định hiện hành đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả
-	Chè nước phục vụ hội nghị (82 người * 01 ngày *40.000đ/người/ngày)	Người	82	40.000	3.280.000	
-	Ma két tập huấn	Cái	1	500.000	500.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	80	20.000	1.600.000	
-	Thù lao báo cáo viên (02 người * 01 ngày * 400.000 đ/người/ngày)	Người	2	400.000	800.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho người không hưởng lương (80 người * 02 ngày * 120.000đ/người/ngày)	Người	80	100.000	8.000.000	

-	Thuê phòng nghỉ cho học viên ở xa (26 phòng *01 ngày * 360.000 đ/phòng/ngày)	Phòng	26	360.000	9.360.000	
-	Hỗ trợ tiền xăng xe cho người không hưởng lương	Người	80	70.000	5.600.000	
<b>2</b>	<b>Chi công tác phí cho cán bộ tham gia các đợt tập huấn do Quỹ tỉnh; Quỹ Trung ương tổ chức.</b>				<b>10.644.400</b>	Thanh toán theo thực tế phát sinh
<b>2.1</b>	<b>Đi tập huấn trong tỉnh (02 cuộc 2 ngày)</b>				<b>7.850.400</b>	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ: 4 người (2 ngày x 200.000 đ/ngày/người) = 400.000 đ/người	Người	4	400.000	1.600.000	
-	Khoán tiền tự túc phương tiện đi lại tại TP Sầm Sơn: 1 người =304kmx0,2lx 22.000 đồng/lít=1.337.600 đồng	Người	4	1.337.600	5.350.400	
-	Khoán tiền phòng nghỉ 4 người: (2 đêm X 200.000đ/đêm/người=300.000đ/người)	Người	3	300.000	900.000	
<b>2.2</b>	<b>Đi tập huấn ngoài tỉnh (01 cuộc 1 ngày)</b>				<b>2.794.000</b>	
+	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ: 3 người (1 ngày x 200.000 đ/ngày/người) = 200.000 đ/người	Người	1	200.000	200.000	
+	Khoán tiền tự túc phương tiện đi lại TP Vinh, Nghệ An: 1 người =510kmx0,2lx 22.000 đồng/lít=2.244.000 đồng	Người	1	2.244.000	2.244.000	
+	Khoán tiền phòng nghỉ 3 người: (1 đêm X 350.000đ/đêm/người=200.000đ/người)	Người	1	350.000	350.000	
<b>V</b>	<b>Tuyên truyền, vận động</b>				<b>30.000.000</b>	Đơn vị phê duyệt dự toán mua sắm theo quy định hiện hành đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả
	In ấn Poster tuyên truyền các hoạt động liên quan đến chính sách chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (Kích thước: 40x60 cm) (30 tờ/thôn x 20 thôn, bản)	Tờ	600	50.000	30.000.000	

<b>VI</b>	<b>Các hoạt động phục vụ công tác quản lý</b>				<b>10.000.000</b>	
-	Văn phòng phẩm	Trọn gói	1	10.000.000	10.000.000	

### III CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI HỖ TRỢ SINH KẾ CHO CỘNG ĐỒNG THAM GIA QUẢN LÝ RỪNG

STT	Đối tượng hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	C	1	2
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>	
<b>A</b>	<b>Huyện Quan Sơn</b>		<b>850.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Na Mèo</b>		<b>300.000.000</b>	Cộng đồng được phê duyệt theo QĐ số 3466/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh
1	Cộng Đồng bản Cha Khót	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
2	Cộng Đồng bản Bo Hiềng	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
3	Cộng Đồng bản Na Poọng	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
4	Cộng đồng bản Xộp Huối	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	
5	Cộng đồng bản 83	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
6	Cộng đồng bản Na Mèo	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
<b>II</b>	<b>Xã Sơn Điện</b>		<b>200.000.000</b>	
1	Cộng đồng bản Na Lộc	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	Cộng đồng được phê duyệt theo QĐ số 3466/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh
2	Cộng đồng bản Xa Mang	Vật liệu xây dựng sửa chữa 2 nhà vệ sinh công cộng trong thôn	50.000.000	
3	Cộng đồng bản Bun	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	
4	Cộng đồng bản Ban	Vật liệu xây dựng sửa chữa 2 nhà vệ sinh công cộng trong thôn	50.000.000	
<b>III</b>	<b>Xã Sơn Hà</b>		<b>150.000.000</b>	
1	Cộng đồng bản Xum	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	
2	Cộng đồng bản Làng	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
3	Cộng đồng bản Lầu	Vật liệu xây dựng sửa chữa mương nước, sân thể thao của bản	50.000.000	
<b>IV</b>	<b>Xã Trung Tiến</b>		<b>50.000.000</b>	

1	Cộng đồng bản Cum	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	Cộng đồng được phê duyệt theo QĐ số 3466/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh
<b>V</b>	<b>Xã Trung Thượng</b>		<b>100.000.000</b>	
1	Cộng đồng bản Ngâm	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
2	Cộng đồng bản Bôn	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường giao thông nội thôn	50.000.000	
<b>VI</b>	<b>Thị trấn Sơn Lư</b>		<b>50.000.000</b>	
1	Cộng đồng Khu 2	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
<b>B</b>	<b>Huyện Lang Chánh</b>		<b>150.000.000</b>	
<b>I</b>	<b>Xã Lâm Phú</b>		<b>100.000.000</b>	
1	Cộng đồng bản Nà Đang	Vật liệu xây dựng sửa chữa đường ống dẫn nước sinh hoạt	50.000.000	
2	Cộng đồng bản Ngày	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	
<b>II</b>	<b>Xã Yên Khương</b>		<b>50.000.000</b>	
1	Cộng đồng bản Xắng Hắng	Vật liệu xây dựng sửa chữa nhà văn hóa thôn	50.000.000	







